

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng 6 năm 2026

Số: /KSBT-KHNV

Về việc mời báo giá mua sắm hóa chất,
vật tư y tế xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ
chuyên môn tại Phòng khám Đa khoa năm
2026 của Trung tâm Kiểm soát
bệnh tật tỉnh Sơn La

Kính gửi: Các nhà cung cấp hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho hoạt động mua sắm hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Phòng khám Đa khoa năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mời quý Công ty/Đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có khả năng cung cấp hàng hóa, gửi báo giá mua sắm hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Phòng khám Đa khoa năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La. Số 84A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà Nguyễn Thị Huệ, Trưởng phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ;
- SĐT: 0946071980 (trong giờ hành chính)
- Email: phongkhnvcdc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bằng văn bản có đóng dấu của Công ty/Đơn vị qua địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La, số 84A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải công khai trên Hệ thống mạng Đấu thầu quốc gia và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị đến 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Phòng khám Đa khoa năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La (theo phụ lục 01 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La. Số 84A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

3. Thời gian dự kiến thực hiện mua sắm: Quý III năm 2026.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo khối lượng thực tế nghiệm thu, theo quy định của hợp đồng và pháp luật hiện hành.

5. Nội dung báo giá (*theo phụ lục 02 đính kèm*)

Báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển đến Trung tâm, phí, lệ phí liên quan (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La rất mong nhận được sự quan tâm và bản báo giá của quý Công ty/Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (để đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử TT (để đăng tải);
- Lưu: VT, HST, KHNV.

GIÁM ĐỐC

Lê Hồng Trường

DANH MỤC**Mua sắm hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Phòng khám Đa khoa năm 2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La***(kèm theo Công văn số /KSBT-KHNV ngày /6/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La)*

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Viên nén khử khuẩn	Sodium Dichloroisocyanurate (hay Troclosene Sodium) khan 50%; thành phần khác 50%	Viên	800	
2	Dung dịch sát khuẩn	Thành phần chứa hoạt chất Povidone Iodine nồng độ khoảng 10% (hoặc hoạt chất khác có đặc tính, hiệu quả sát khuẩn tương đương) Quy cách: Chai 500 ml/chai	Chai	40	
3	Acid acetic 3%	Nồng độ: 3% Quy cách: 500 ml/chai	Chai	10	
4	Dung dịch Lugol 3%	Nồng độ: 3% Quy cách: 500 ml/chai	Chai	10	
5	Dầu Parafin	Trong suốt không màu, không mùi, không vị, không tan được trong nước và ethanol; Quy cách: 500 ml/chai	Chai	2	
6	Lam kính nhám	Chất liệu thủy tinh trong suốt, có một đầu nhám. Độ dày 1-1.2 mm; Kích thước 25.4 x 76.2 mm Quy cách: Hộp 72 miếng/hộp	Hộp	20	
7	Lamen	Bảng thủy tinh, Kích thước 22 x 22 mm Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp	2	
8	Bông y tế thấm nước	100% bông xơ tự nhiên (100% cotton), có độ thấm hút cao Quy cách: Gói 1 kg/gói	Kg	5	
9	Cồn 70 độ	Thành phần ethanol 70%. Sát trùng vết thương, khử trùng dụng cụ y tế Quy cách: 500 ml/chai	Chai	10	
10	Cồn tuyệt đối	Cồn tuyệt đối (ethanol 99% hoặc ethanol 99.7%) tồn tại ở dạng chất lỏng không màu, trong suốt, dễ bay hơi nếu không được bảo quản tốt. Cồn có mùi đặc trưng,	Lít	20	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		tan vô hạn trong nước, rất dễ cháy, khi cháy tạo thành ngọn lửa màu xanh, không khói			
11	Bơm tiêm 5 ml	Bơm tiêm 5ml được sản xuất từ nhựa PP 100% nguyên sinh thân thiện với môi trường, kim làm từ thép không gỉ đảm bảo an toàn cho người dùng. Sản phẩm được phép dùng trong y tế	Cái	500	
12	Dung dịch nước muối NaCl 0,9%	Nước tinh khiết và NaCl Quy cách: 500 ml/chai	Chai	10	
13	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia (Glycerine, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. Quy cách: 500 ml/chai	Chai	30	
14	Que lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm tế bào tử cung	Mỗi cây chứa trong 1 bao platic, chất liệu gỗ thông có màu ngà hơi vàng và mùi tinh dầu thông tự nhiên. Kích cỡ 180 x 18 x 2 (± 0.2) mm	Que	500	
15	Bơm hút thai một van	Bơm hút chân không bằng tay loại 1 van có thể tích khoảng 60 ml; áp suất chân không trong khoảng 610 - 660 mmHg; chất liệu bằng nhựa y tế chuyên dụng; Sản phẩm đã được tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng bộ trong bao bì kín. Các ống dùng cho bơm hút thai 1 van bao gồm các kích cỡ: 4 mm, 5 mm, 6 mm	Bộ	3	
16	Bơm hút thai hai van	Bơm hút chân không bằng tay loại 2 van có thể tích khoảng 60 ml; áp suất chân không trong khoảng 610 - 660 mmHg; chất liệu bằng nhựa y tế chuyên dụng; Sản phẩm đã được tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng bộ trong bao bì kín. Các ống dùng cho bơm hút thai 2 van bao gồm kích cỡ: 4 mm, 5 mm, 6 mm, 7 mm, 8 mm, 9 mm, 10 mm, 12 mm	Bộ	1	
17	Đầu cắt leep PROMED 15 x 8 mm	Đầu cắt leep sử dụng để cầm trực tiếp vào máy cắt đốt (máy leep)	Cái	5	
18	Gel siêu âm	Thành phần: Carbomer, nước, Propylen Glycol, Glycerin, chất bảo quản	Lít	20	
19	Giấy in kết quả siêu âm	Giấy in nhiệt dùng trong y tế để in hình ảnh siêu âm đen trắng. Kích thước: 110 mm x 20 m	Cuộn	10	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
20	Test Chlamydia	Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Ngưỡng phát hiện: 5×10^4 IFU/ml - Độ nhạy: 93.58% ; Độ đặc hiệu: 99.08% Thành phần kit thử: 1. Cộng hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....	Test	1.000	
21	Bao cao su	Thành phần: Mủ cao su thiên nhiên, silicon, hương liệu tạo mùi.	Cái	1.440	
22	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA	Ống nghiệm kích thước $\geq 12 \times 75$ mm hoặc 13×75 mm sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Dùng trong các xét nghiệm huyết học (công thức máu và HbA1c...) Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA K2, nắp nhựa, màu xanh dương	Ống	500	
23	Ống nghiệm lấy máu Glucose	Ống nghiệm nhựa PP, nắp màu xám, chuyên dùng để xét nghiệm đường huyết. Hoạt chất: Chứa Sodium Fluoride (NaF) và EDTA K2. Nắp màu xám	Ống	200	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
24	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. Độ nhạy: 99.78% với mẫu huyết tương, 99.84% với mẫu huyết thanh, 99.01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch. Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99.92% với mẫu huyết thanh. Thành phần chính: Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1, gp41 của HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY gà; Đệm liên hợp: cộng hợp gp41 của HIV-1 keo vàng/gp41 của HIV-1 phân nhóm O keo vàng; gp36 của HIV-2 keo vàng	Test	400	
25	Test thử nhanh chẩn đoán HCV	Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 97.67% Không bị ảnh hưởng bởi các hợp chất thường hiện diện trong mẫu: Ribavirin, Caffein, Ethanol, máu toàn phần của phụ nữ mang thai,...Không phản ứng chéo với các chủng vi sinh vật: Viêm gan A, B, Influenza A/B, Dengue, Rotavirus, Syphilis, Rubella, Salmonella	Test	200	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
26	Test thử nhanh chẩn đoán HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B(HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lọ Buffer). Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1°C . Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2 - 40°C.(36-104độ F) tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV; HIV, HCV. Kháng thể đơn dòng kháng HBs: 0,75 ± 0,15µg Kháng thể đơn dòng kháng IgY gà: 0,6 ± 0,122µg Kháng thể đơn dòng kháng HBs- gắn keo vàng: 0,08± 0,16µg, IgY gà- gắn keo vàng: 0,015 ± 0,003µg	Test	200	
27	Test thử nhanh chẩn đoán Giang mai	Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu 99.1% so với TPHA Không xảy ra phản ứng chéo với các tác nhân gây bệnh thường gặp sau: Huyết tương dương tính với: Dengue IgG/IgM, HBV, Chikungunya IgG, Chikungunya IgM, Zika IgG, Zika IgM, HIV-1, HCV Không xảy ra tương tác với các hợp chất: EDTA, Heparin, Natri citrat, Hemoglobin, Albumin người, Bilirubin, Ribavirin, Doxycyclin hydrat, Aspirin, Ciprofloxacin, Quinin, Ibuprofen, Acetaminophen	Test	100	
28	Test que thử nước tiểu	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin, Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion, Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid; pH: 4.6- 8.0, SG: 1.001-1.035, Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL; Urobilinogen: 0.2EU/dL Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động	Test	500	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
29	Bộ nhuộm Gram	(Bộ nhuộm Gram) gồm 4 chai: Crystal Violet, Lugol, Decolor, Safranin. Quy cách 100ml/chai, 4 chai/bộ.	Bộ	2	
30	Chẩn đoán mang thai trên phụ nữ	Định lượng beta-HCG trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh Thời gian đọc kết quả 15 phút Mẫu: máu toàn phần, huyết thanh Bảo quản: từ 2-30°C. Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang StandardTM F200	Test	40	
31	Định lượng chỉ số HbA1c	Định lượng HbA1c. Thời gian đọc kết quả 3 phút. Mẫu: Máu toàn phần. Lượng mẫu: 5 microlit Giới hạn định lượng: 4 ~ 15 % [NGSP], 20 ~ 140 mm/mol [IFCC] Bảo quản: từ 2-30 độ C Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Là test thử theo máy Standard F.	Test	100	
32	Bộ nhuộm PAP	Bộ 3 chai dạng lỏng dùng để nhuộm tế bào. Quy cách: 500 ml/chai, 3 chai/bộ	Bộ	2	
33	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7.7 đến 8.3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	Lít	10	
34	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Cleanac 3	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng	Lít	10	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
		Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày			
35	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Isotonac-3	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	Lít	54	
36	Hóa chất xét nghiệm huyết học dung dịch Hemolyac (lọ 500ml)	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4: 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Chai	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
37	Nhiệt ẩm kế tự ghi Elitech GSP-6	Thang đo nhiệt độ: -40°C đến 85°C. Độ chính xác ± 0.5 °C (-20 °C đến 40°C, ± 0.1 °C). Thang đo độ ẩm: 10% đến 99% RH. Độ chính xác của độ ẩm: $\pm 3\%$ RH (25 °C, 20% đến 90% RH), $\pm 5\%$ RH (ngoài thang đo). Độ phân giải: nhiệt độ 0.1 °C, độ ẩm 0.1% RH. Dung lượng bản ghi: 16000 điểm (tối đa). Thời gian ghi cài đặt: 10 giây đến 24 giờ. Kết nối dữ liệu: USB. Nguồn điện: Pin 3.6V thay thế được hoặc nguồn kết nối USB. Tuổi thọ pin: hai năm ở nhiệt độ mát với thời gian ghi 15 phút/lần và báo thức báo động đã tắt. Màn hình LCD 2.8 inch có chế độ tiết kiệm điện. Kích thước: 118 (L) x 61.5 (W) x 19 (L) (mm)	Cái	1	
38	CBC-3D® Control - Vật liệu nội kiểm (QC) cho máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu	Quy cách đóng gói: 3 x 3 mL (3 Level L, N, H)	Bộ	1	
39	Ống nghiệm thủy tinh	Ống nghiệm thủy tinh dùng phòng thí nghiệm, thực hiện các phản ứng hoá học. Màu sắc: Trong suốt Kích thước: 13 cm x 2 cm	Cái	400	
40	Pipet (100 - 1000 µl)	Dụng cụ đo chuyển chất lỏng với thể tích chất lỏng từ 100 - 1000 µl Chất liệu: Nhựa PP	Cái	1	
41	Khay nhúng lam kính Inox	Là dụng cụ phòng thí nghiệm thiết yếu, được làm từ thép không gỉ (inox), chuyên dùng để cố định, nhuộm và phơi khô các lam kính (phiến kính) chứa tiêu bản. Sản phẩm thường có tay cầm tháo rời, sức chứa phổ biến khoảng 25 lam, giúp quy trình xử lý mẫu vi sinh, huyết học, mô bệnh học gọn gàng Kích thước 16 cm x 8 cm x 3 cm.	Cái	5	
42	Hộp đựng lam kính Inox	Hộp đựng lam kính inox thí nghiệm dùng trong phơi hoặc để lam kính, phiến kính các loại (hình chữ nhật), sản phẩm sản xuất từ inox, hạn chế rỉ sét Kích thước 16 cm x 8 cm x 3 cm	Cái	2	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
43	Panh y tế cong có mẫu 16 cm	Được làm từ chất liệu thép không gỉ an toàn, dùng để kẹp bông băng, rửa vết thương,...	Cái	2	
44	Khay hạt đậu Inox	Công dụng: Dùng để đựng dụng cụ, bông, băng trong sơ cứu, phẫu thuật Chất liệu: Inox 201 không gỉ. Inox dày, chắc chắn, lòng sâu Dung tích: 400 ml Kích thước: 20 x 19 x 4 cm	Cái	2	
45	Giá đỡ ống nghiệm Inox	Chất liệu: Thường làm bằng inox bền, chống gỉ sét, dễ dàng vệ sinh và diệt trùng. Số vị trí: 50 lỗ (5 hàng x 10 hàng hoặc 5 x 10) Đường kính lỗ: Phù hợp cho ống nghiệm phi 18 mm - 20 mm Ứng dụng: Sử dụng rộng rãi trong các phòng thí nghiệm, bệnh viện, trường học để đựng, phơi khô ống nghiệm, ống ly tâm	Cái	5	
46	Kéo y tế thẳng 2 đầu tù	Chất liệu: Kéo đầu thẳng tù được làm bằng thép không gỉ, sáng bóng dễ dàng vệ sinh, diệt khuẩn trước và sau khi sử dụng, sản phẩm đã đạt chuẩn chất lượng bền hấp sấy thoải mái Kích thước 18 cm	Cái	10	
47	Panh kẹp cổ tử cung Inox răng cưa (panh Pozzi/Pen Col)	Chất liệu: Thép không gỉ (Inox/Thép Nhật Bản), đảm bảo an toàn, dễ diệt trùng, chống ăn mòn và tái sử dụng nhiều lần. Ứng dụng: Phẫu thuật/Thủ thuật phụ khoa Dùng để cố định cổ tử cung trong quá trình nạo hút thai, đình chỉ thai nghén, đặt vòng tránh thai	Cái	15	
48	Băng dán cá nhân Ugo	Được dùng để bảo vệ vết thương nhỏ, vết cắt, trầy xước, vết bỏng hoặc vết kim đâm. Sản phẩm với độ bám dính tốt, gạc không dính vào vết thương. Kích thước 2 x 6 cm, hộp 102 cái	Hộp	2	
49	Băng dính lụa y tế	Phần nền là vải lụa trắng dễ xé. Keo tráng: Keo Acrylic Kích thước: 5 cm x 5 m	Cuộn	4	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
50	Kim chích máu Blood Lancets	Dùng để lấy máu bệnh nhân	Cái	200	
51	Bộ mặt nạ phòng độc 3M 3200 (Mặt nạ chống bụi, chống hóa chất)	Bao gồm: Mặt nạ 3M 3200, Phin lọc, Tấm lọc bụi, Nắp giữ tấm lọc bụi. Loại mặt nạ: Mặt nạ nửa mặt có thể tái sử dụng. Chất liệu mặt nạ: Chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPE). Loại bảo vệ bụi, khí và hơi	Bộ	1	
52	Khẩu trang y tế	100% nguyên phụ liệu sạch. Có từ 2-4 lớp vải không dệt dạng phẳng có nếp khâu thanh nẹp mũi: Bằng nhựa hoặc kim loại dễ điều chỉnh, tác dụng kẹp khít khẩu trang trên sống mũi, giúp khẩu trang ôm sát mặt. Dây đeo có tính đàn hồi như dây thun mềm, có độ đàn hồi tốt.	Cái	1.500	
53	Săng vải	Săng không lỗ, làm bằng vải không dệt, không hút nước, có độ thoáng khí. Săng mổ được sử dụng rộng rãi trong phòng khám, bệnh viện. Sử dụng nhiều lần. Kích thước 80 x 80 cm	Cái	200	
54	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong hấp ướt Kích thước 19 mm x 50 m	Cuộn	1	
55	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp khô	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong hấp khô Kích thước 19 mm x 50 m	Cuộn	1	
56	Ống thổi chức năng hô hấp	Kích thước 24 mm x75 mm	Hộp	10	
57	Giấy in kết quả đo chức năng hô hấp	Kích thước 110 x 45 mm	Cuộn	10	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
58	Dao mổ (lưỡi dao số 21)	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon/ thép không gỉ. Chúng được đóng gói trong các túi giấy bạc có vỏ ngoài.	Cái	100	
59	Dụng cụ tránh thai	Vòng tránh thai được làm bằng chất dẻo (polyethylene), hình chữ T	Cái	100	
60	ALFASEPT Z - 5 (Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế)	Thành phần: Enzyme protease: 0.5% (w/w), lipase: 0.2% (w/w), amylase: 0.15% (w/w), cellulase: 0.05% (w/w), mannanase: 0.05% (w/w), chất hoạt động bề mặt nonionic, chất ức chế ăn mòn, chất bảo quản, chất tạo mùi và màu. Tính năng: Hệ 5 enzyme với khả năng tẩy rửa các vết bẩn cứng đầu như máu, protein, biofilm... Áp dụng rộng rãi: bằng tay, bể siêu âm, máy rửa khử khuẩn, Phù hợp làm sạch các dụng cụ có cấu tạo phức tạp, Độ tương thích vật liệu cao, không để lại tồn dư sau khi làm sạch, Phân hủy sinh học. Quy cách: 1000 ml/chai	Chai	24	
61	Dầu Silicol cho bơm hút thai	Công dụng: Tác dụng bôi trơn dụng cụ bơm hút Dung tích: 2 ml	Cái	20	
62	Ống hút thai số 4 cho bơm Karman 1 van	Dùng 1 lần được làm bằng nhựa polyethylene cấp y tế không có latex	Cái	50	
63	Ống hút thai số 5 cho bơm Karman 1 van	Dùng 1 lần được làm bằng nhựa polyethylene cấp y tế không có latex	Cái	100	
64	Ống hút thai số 6 cho bơm Karman 1 van	Dùng 1 lần được làm bằng nhựa polyethylene cấp y tế không có latex	Cái	50	
65	Găng tay y tế có bột	Găng tay có bột làm từ cao su tự nhiên, màu trắng tự nhiên trơn hoặc có nhám đầu ngón tay, cổ tay gấp. Chiều dài tối thiểu: 240 mm. Độ dày ngón tay tối thiểu: 0.08 mm. Hàm lượng protein tối đa 200µg/dm ² . Hàm lượng bột: 8-10mg/dm ² . Có đủ các kích thước: XS, S, M, L, XL	Đôi	5.000	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
66	GOT (GOT(ASAT))	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: TRIS-Buffer pH 7,8 99mmol/l; L-Aspartate 250mmol/l; EDTA 16mmol/l; Malate Dehydrogenase (MDH) $\geq 0,5\text{kU/L}$; Lactate dehydrogenase (LDH) $\geq 1,5\text{kU/L}$; CAPS pH 9,6 85 mmol/l; NADH 1,5 mmol/l; 2-Oxoglutarate 113mmol/l; Thuốc thử có độ tuyến tính lên đến 1000 U/L; Bước sóng: 334- 365 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6 x 70 ml + 6 x 15 ml	Hộp	1	
67	GPT/ALAT (GPT(ALAT))	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: TRIS buffer pH 7,8 95 mmol/l; L-Alanine 600 mmol/l; EDTA 5,8 mmol/l; Lactate dehydrogenase LDH $\geq 1,5\text{kU/L}$; CAPS pH 9,6 85mmol/l; 2-oxoglutarate 113mmol/l; NADH 1,4mmol/l; Dải tuyến tính lên đến 1300U/L; Bước sóng: 340-365nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6 x 70 ml + 6 x15 ml	Hộp	1	
68	Cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: PIPES pH 6,9 40 mmol/l; Phenol 5,3 mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0,29 mmol/l; Lipoprotein Lipase LPL / CHE $\geq 0,5\text{kU/L}$; Cholesterinoxidase CHO $\geq 0,2\text{kU/L}$; Peroxidase POD $\geq 1,0\text{kU/L}$; Dải tuyến tính: 5–1200mg/dl hoặc 30.0 mmol/l; Bước sóng: 492-550 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương. Thể tích 4x100mL + Std	Hộp	1	
69	Creatinine Jaffe	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Sodium Hydroxide 160 mmol/l; Disodiumhydrogenphosphate 6,7 mmol/l; Picric Acid 20 mmol/l; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: 0,053–40,0 mg/dL; Bước sóng: 480-520 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Thể tích 6 x 70 ml + 6 x 15 ml	Hộp	1	
70	Glucose	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Phosphate Buffer pH 7.5 96 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; Potassiumhexacyanoferrat 7 $\mu\text{mol/L}$; 4-Aminoantipyrine 360 $\mu\text{mol/L}$; Glucoseoxidase GOD $\geq 20\text{kU/L}$; Peroxidase POD $\geq 1,5\text{kU/L}$; Detergent and Stabilizer $\leq 0,1\%$; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ dịch não tủy: 0.14 – 400 mg/dL); Bước sóng: 500-570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương và dịch não tủy	Hộp	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
71	Urea-UV	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: TRIS-Buffer pH 8,0 49mmol/l; EDTA 5,8mmol/l; 2-Oxoglutarate 2,4mmol/l; ADP 2,9mmol/l; Urease ≥ 9 kU/L; Glutamate dehydrogenase GLDH $\geq 0,7$ kU/L; NADH 2,1mmol/l; CAPS pH 9,6 85mmol/l; Phương pháp: 2 point End; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 0.72–400 mg/dL (0,33–66,6mmol/l), Nước tiểu: đến 30g/dL; Bước sóng: 334-365nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu	Hộp	1	
72	Uric Acid	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer pH 7,0 50 mmol/l; 3,5-Dichlorhydroxybenzolsulfonic; acid DCHBS 6 mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0,3 mmol/l; K ₄ [Fe(CN) ₆] 7,8 μ mol/L; 4-Aminoantipyrine: 1,9mmol/l; Glycerol: 16%; Peroxidase POD: >10 kU/L; Uricase: >1 kU/L; Dải tuyến tính: 4,2–1190 μ mol/L; Bước sóng: 546nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu	Hộp	1	
73	Triglycerides	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: PIPES pH 7,0 40mmol/l; 4-Chlorphenol 5,4mmol/l; ATP 1,6mmol/l; Mg ²⁺ 4,6mmol/l; Glycerokinase GK $\geq 0,8$ kU/L; Peroxidase POD $\geq 0,8$ kU/L; Lipoproteinlipase LPL ≥ 2 kU/L; 4-Aminoantipyrine 0,29mmol/l; Glycerol-3-phosphatoxidase GPO $\geq 3,0$ kU/L; Dải tuyến tính: 0016–22,8 mmol/l; Bước sóng: 492-550 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	Hộp	1	
74	DutchTrol - N Multicontrol	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bình thường bao gồm các chỉ số: Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc	Lọ	1	

STT	Tên hoá chất, vật tư y tế xét nghiệm	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
75	DutchTrol - P Multicontrol	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức bệnh lý bao gồm các chỉ số: Albumin, ALP, Amylase, Bilirubin-Total và Direct, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, CHE, CK, CK-MB, Copper, Creatinine, GLDH, Glucose, GOT, GPT, GGT, HBDH, Iron, Lactate, LDH, Lithium, Lipase, Magnesium, Phosphorus, Potassium, Protein, Sodium, Triglyceride, Urea, Uric Acid, Zinc	Lọ	1	
76	GGT	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Tris 120mmol/l; Glycylglycine 150 mmol/l; Pipes pH 5,1 180 mmol/l; L-Gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitro-anilide 19 mmol/l; Dải tuyến tính: 1-1.800 U/L; Bước sóng: 405-410nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	Hộp	1	
77	HDL	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: MES buffer, pH 6.5; N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methyl-aniline; TODB; Polyvinyl sulfonic acid; Polyethylene-glycol-methyl ester; MgCl ₂ ; EDTA; MES buffer, pH 6.5; Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; 4-Aminoantipyrine; Dải tuyến tính: 0,03-4,7mmol/l; Bước sóng: 600/700nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	Hộp	1	
78	LDL	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: MES Buffer pH 6,5; PEGME/PVS mixture ≤ 1%; Cholesterol oxidase > 500 U/L; Cholesterol esterase > 250 U/L; Peroxidase > 10kU; 4-Aminoantipyrine 4mmol/l; MES Buffer pH 6,5; N,N-Bis(sulfobutyl)methylaniline < 1mmol/l; Dải tuyến tính: 1,64 - 250mg/dL; Bước sóng: 600-700nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương	Hộp	1	
Tổng cộng: 78 mặt hàng					

Tên công ty/đơn vị.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

Email..... Website.....

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số /KSBT-KHNV ngày /6/2026 của TTKSBT)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm như sau:

1. Báo giá hóa chất, vật tư y tế xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thành tiền (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	...												
2													
	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)